

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 202... của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày tháng năm 202... của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục phổ thông áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bình Phước được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

Điều 2. Quy định cụ thể nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục phổ thông:

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, chọn đội tuyển dự thi Olympic quốc tế và khu vực: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

2. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly

a) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách: Mức chi bằng 150% mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC .

b) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

3. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi, giáo viên và học sinh các đội tuyển trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia, chọn đội tuyển dự thi Olympic quốc tế và khu vực: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

4. Chi đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện câu trắc nghiệm: Áp dụng theo quy định tại [Thông tư số 36/2018/TT-BTC](#) ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi cấp tỉnh (*khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8*): Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên; Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

6. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi: Kỳ thi Olympic các môn văn hóa cấp tỉnh; Thi nghề phổ thông; Cuộc thi thí nghiệm - thực hành dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh; Cuộc thi khoa học kỹ thuật; Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, Hội thi Tổng phụ trách đội; Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh khác: Tiền công

cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi vận dụng quy định tại Khoản 5 Điều này và được tính bằng 80% định mức tương ứng.

7. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi được tính bằng 70% định mức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

Điều 3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022... và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022...../.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục

MỘT SỐ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ÁP DỤNG TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC (Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh			
1.1	Hội đồng/Ban ra đề thi			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	1000	
b	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	900	
c	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	800	
d	Ủy viên ra đề thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Người/ngày	800	
đ	Ủy viên ra đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	900	
e	Ủy viên ra đề thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	1000	
g	Thư ký, bảo vệ, y tế vòng trong (24/24h)	Người/ngày	600	
h	Thư ký, bảo vệ, y tế vòng ngoài	Người/ngày	400	
1.2	Hội đồng/Ban in sao đề thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	850	
b	PCT Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	740	
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, y tế làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	600	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế vòng ngoài	Người/ngày	400	
1.3	Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	700	
b	Thành viên, công an	Người/ngày	500	

1.4	Ban Chỉ đạo thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)			
a	Trưởng ban	Người/ngày	1000	
b	Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	900	
c	Phó Trưởng ban	Người/ngày	800	
d	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	600	
đ	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	400	
1.5	Hội đồng thi			
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	1000	
b	Phó Chủ tịch thường trực	Người/ngày	900	
c	Phó Chủ tịch	Người/ngày	800	
d	Ủy viên	Người/ngày	600	
1.6	Ban Thư ký			
a	Trưởng ban	Người/ngày	850	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	740	
c	Ủy viên	Người/ngày	600	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	400	
1.7	Hội đồng/Ban Coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	800	
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	780	
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	770	
d	Điểm trưởng	Người/ngày	740	
đ	Phó trưởng điểm	Người/ngày	710	
e	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	600	
g	Trật tự viên, Y tế, Công an, bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	400	
1.8	Ban/Tổ Làm phách			

a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	850	
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	710	
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	600	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	400	
1.9	Hội đồng xét tốt nghiệp			
a	Chủ tịch	Người/ngày	800	
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	700	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	600	
1.10	Hội đồng/Ban chấm thi: Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	850	
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	800	
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	710	
d	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	600	
đ	Chấm thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Người/ngày	600	
e	Chấm thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	700	
g	Chấm thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	800	
h	Chấm thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	900	
i	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	400	
2	Tiền công ra đề thi			
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	850	

b	Các thành viên	Người/ngày	600	
2.1	<i>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận</i>			
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Đề	360	
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	600	
c	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đề theo phân môn	900	
3	<i>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</i>			
3.1	<i>Chi đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện câu trắc nghiệm</i>	Người/ngày	1000	
3.2	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>			
a	Chủ trì	Người/ngày	600	
b	Thành viên	Người/ngày	500	
3.3	<i>Tiền công đối với câu hỏi</i>			
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	35	
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	30	
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	25	
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	18	
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5	
3.4	<i>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</i>			
a	Chủ trì	Người/ngày	850	
b	Thành viên	Người/ngày	600	
4	<i>Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi đối với thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; thi tuyển sinh đầu cấp</i>	Người/đợt	300	
5	<i>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi</i>			

5.1	<i>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh</i>			
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	200	
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	500	
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	600	
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	400	
5.2	<i>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia</i>			
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	300	
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	700	
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	800	
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	500	
6	Tiền công thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông			
6.1	<i>Tiền công cho Ban tổ chức, Ban giám khảo</i>			
a	Trưởng ban	Người/ngày	850	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	710	
c	Ủy viên	Người/ngày	600	
d	Bảo vệ, phục vụ, y tế, công an	Người/ngày	400	
6.2	<i>Tiền công cho Hội đồng thẩm định</i>			
a	Chủ tịch	Người/ngày	850	
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	710	
c	Ủy viên	Người/ngày	600	
7	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			

a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	850	
b	Phó trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	710	
c	Thành viên	Người/ngày	500	
d	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	600	
8	Các nhiệm vụ khác có liên quan			
8.1	Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi			
a)	Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi (nếu có);			
b)	Chi thuê địa điểm thi, địa điểm chấm thi (nếu có)			
c)	Chi thuê phòng học, phòng thí nghiệm; thuê phương tiện đi thực tế, thực hành cho việc tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh cấp quốc gia, các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế (nếu có)			
d)	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tập huấn các đội tuyển và tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, Olympic quốc tế và khu vực; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi;			
đ)	Các khoản chi phục vụ hoạt động của các Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có);			
8.2	Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có), giáo viên (nếu có) và học sinh các đội dự tuyển dự thi quốc gia, thi Olympic khu vực và quốc tế.			
				<p>Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.</p> <p>Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).</p>

8.3	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly	
a)	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Mức chi bằng 150% mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.
b)	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC
c)	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có), giáo viên (nếu có) và học sinh các đội dự tuyển quốc gia trong quá trình tập huấn để tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.